TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ T
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 29-5-2019
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Duy Hải

Ông Đào Văn Nô

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Bồ Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 33/2016/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, nuôi con hóa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2019/QĐXXST-KDTM ngày 23 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2019/QĐST-HNGĐ ngày 10/5/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Hồng N, sinh năm 1984; địa chỉ thường trú: Khóm 8, phường N, thành phố C, tỉnh An Giang. Có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1976; địa chỉ thường trú: Đội 3, xã K, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; địa chỉ tạm trú: Tổ 4, ấp 1, xã H, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 21 tháng 12 năm 2018, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Hồng N trình bày:

Về hôn nhân: Bà N và ông T tự nguyện tìm hiểu, chung sống từ năm 2014, đến năm 2016 bà N và ông T đăng ký kết hôn tại UBND phường N, thị xã (nay là thành phố) C, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 94 ngày 02/8/2016. Thời gian đầu sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng khoảng 01 năm sau thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, kinh tế gia đình khó khăn, gia đình mượn nợ nhiều người mà không có khả năng trả nên

bà N phải gửi con nhỏ cho ông bà nội chăm sóc để ra nước ngoài lao động từ năm 2017. Do vợ chồng xa cách, tình cảm không còn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Bà N và ông T đã nhiều lần cố gắng hàn gắn nhưng không thành. Bà N và ông T đã ly thân khoảng một năm. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà N xin được ly hôn với ông T.

Về con chung: Hai vợ chồng có một con chung tên là Nguyễn Ngọc Đăng K, sinh ngày 12/9/2016. Bà N xin được nuôi con và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện tống đạt, niêm yết đầy đủ văn bản tố tụng cho ông T theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, ông T không đến Tòa án, cũng không nộp văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp các tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Theo biên bản xác minh ngày 11/3/2019, tại Ủy ban nhân dân xã Hội Nghĩa, thị xã T, tỉnh Bình Dương thì đương sự bà Phạm Hồng N và ông Nguyễn Ngọc T có đăng ký tạm trú tại địa phương. Bà Phạm Hồng N và ông Nguyễn Ngọc T không đăng ký kết hôn tại UBND xã H, thị xã T. Trong thời gian các đương sự cư trú tại địa phương, bà N và ông T chưa từng trình báo đại phương về những mâu thuẫn gia đình nên địa phương không nắm rõ.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Hồng N vẫn giữ yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn với ông T do mâu thuẫn gia đình trầm trọng không thể hàn gắn. Về con chung: Do hiện tại cháu K đang ở cùng gia đình ông T, điều kiện chăm sóc, giáo dục tốt, bà N không có chỗ ở ổn định, lại thường xuyên đau ốm phải điều trị, điều kiện kinh tế khó khăn nên bà N tự nguyện giao con chung cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về tố tụng: Tòa án nhân dân thị xã T thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử. Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ, hòa giải, tiếp cận công khai chứng cứ và tống đạt văn bản tố tụng đúng quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tại phiên tòa. Bị đơn ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt ông T là đúng quy định.

- Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Hồng N và ông Nguyễn Ngọc T tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Bà N xác định vợ chồng không còn sống cùng nhau, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân

không đạt được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài. Bà N yêu cầu được ly hôn với ông T là có căn cứ.

Về con chung, xét thấy cháu Nguyễn Ngọc Đăng K, sinh ngày 12/9/2016 hiện đang sống cùng gia đình ông T, cháu được trông nom, chăm sóc, giáo dục đầy đủ, điều kiện chăm sóc tốt, đảm bảo phát triển về mọi mặt. Mặt khác, bà N hiện nay không có chỗ ở ổn định, thu thập không ổn định, phải điều trị bệnh nên không có điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con. Bà N tự nguyện giao con chung cho ông T nuôi dưỡng là phù hợp đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Về cấp dưỡng nuôi con, đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bà Phạm Hồng N khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với ông Nguyễn Ngọc T, địa chỉ tạm trú: Tổ 4, ấp 1, xã H, thị xã T, tỉnh Bình Dương nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 3 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại Công an xã H thì ông T hiện có đăng ký tạm trú tại xã H nhưng không rõ đi đâu, hiện không còn cư trú tại xã H. Do đó, Tòa án đã tiến hành niêm yết văn bản tố tụng tại địa chỉ cư trú cuối cùng của ông T theo đúng quy định. Đây là phiên tòa mở lần hai, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Bà N và ông T tự nguyện tìm hiểu, chung sống và có đăng ký kết hôn vào năm 2016 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận. Bà N xác định trong quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mẫu thuẫn và vợ chồng đã ly thân gần một năm, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, đời sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà N yêu cầu xin ly hôn với ông T. Xét thấy, quá trình tố tụng tại Tòa án, ông T không đến Tòa án cho thấy ông T không thiện chí hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, đồng thời bà N kiên quyết ly hôn. Từ đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông T và bà N đã trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà N là có cơ sở. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N đối với ông T theo quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống hai vợ chồng bà N và ông T có một con chung tên Nguyễn Ngọc Đăng K, sinh ngày 12/9/2019. Hiện tại cháu K đang ở chung với gia đình ông T, điều kiện chăm sóc, giáo dục đảm bảo. Mặt khác, bà N

hiện nay không có nơi cư trú ổn định, lại thường xuyên phải điều trị bệnh, cuộc sống khó khăn. Bà N tự nguyện giao con chung cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, đảm bảo điều kiện sinh hoạt và chăm sóc tốt nhất cho con chung nên Tòa án ghi nhận. Vấn đề cấp dưỡng: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Vì lợi ích của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[5] Về án phí: Bà N phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Các Điều 28, 35, 39, 227, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ: Điều 55, 80, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Hồng N được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc T.

2. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Phạm Hồng N giao cho chung tên Nguyễn Ngọc Đăng Khoa, sinh ngày 12/9/2016 cho ông Nguyễn Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

Bà Phạm Hồng N và ông Nguyễn Ngọc T đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom con để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, giáo dục con chung thì người đang trực tiếp nuôi có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Phạm Hồng N phải nộp 300.000 đồng, được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng theo Biên lai thu số AA/2016/0014746 ngày 30/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thị xã T (01);
- Chi cục THADS thị xã T (01);
- UBND phường N, Tp. C, tỉnh An Giang (01);
- Các đương sự (02);
- Lưu: VT, HS (02).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Quỳnh Nga